

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH¹
Về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Dự án thủy điện Sơn La

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2007.

2. Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

3. Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ

¹ Văn bản này được hợp nhất từ 05 Quyết định sau:

- Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2007.

- Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2007.

- Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

- Quyết định số 72 /2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 6 năm 2009.

- Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 05 Quyết định trên.

và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 6 năm 2009.

4. Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về Phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính²,

² Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về Phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;”

- Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về Phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;”

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 2³. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng

- Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 6 năm 2009, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về Phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính”

- Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 10 năm 2011, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2001/QH10 của Quốc hội khóa 10 kỳ họp thứ 9 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La và Nghị quyết số 13/2002/QH11 của Quốc hội khóa 11 kỳ họp thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về phương án xây dựng công trình thủy điện Sơn La;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,”

³ 1. Điều 2 Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2007 quy định như sau:

“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.”

2. Điều 2 Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18/3/2008 quy định như sau:

Công báo và thay thế các Quyết định: số 459/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; số 1251/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La kèm theo Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2004; khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc bố trí vốn đầu tư công trình phục vụ di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TÀI CHÍNH**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 41/VBHN-BTC

*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2014***KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trần Văn Hiếu**

“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.”

3. Điều 2 Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25/6/2009 quy định như sau:

“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2009.”

4. Điều 2 Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 06/10/2011 quy định như sau:

“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.”

QUY ĐỊNH**Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg
ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi, đối tượng và thời điểm áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: Quy định này áp dụng cho việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất và thiệt hại tài sản khi nhà nước thực hiện Dự án thủy điện Sơn La, cụ thể như sau:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất ở, đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất phải di chuyển đến nơi ở mới;

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi một phần đất sản xuất và thiệt hại về tài sản trên đất nhưng không phải di chuyển chỗ ở;

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư sở tại bị thu hồi đất sản xuất, đất ở và thiệt hại về tài sản trên đất khi thực hiện tái định cư.

3⁴. Thời điểm áp dụng là thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các đối tượng bị thu hồi đất phát sinh sau thời điểm Quyết định này có hiệu lực, chỉ được áp dụng Quy định này nếu là hộ hợp pháp, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền điều động đến nhận công tác tại nơi có hộ dân phải di chuyển đến điểm tái định cư (nơi đi) sau thời điểm Quyết định số 196/2004/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La có hiệu lực, có tài sản gắn liền với đất được hình thành trong thời gian công tác thì được bồi thường tài sản đó.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng Dự án thủy điện Sơn La là vùng ngập lòng hồ, tổng mặt bằng công trường khi thực hiện dự án thủy điện Sơn La.

2. Đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại về đất đai, nhà ở, hoa màu, cơ sở hạ tầng, công trình công cộng và tài sản khác khi thực hiện Dự án thủy điện Sơn La.

3. Đối tượng bị ảnh hưởng gián tiếp là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng về cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khi thực hiện Dự án thủy điện Sơn La.

4. Hộ tái định cư là hộ dân (bao gồm hộ một người hoặc hộ có từ hai người trở lên) và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, ở trong vùng Dự án thủy điện Sơn La bị ảnh hưởng trực tiếp phải di chuyển đến nơi ở mới.

5. Hộ tái định cư nông nghiệp là hộ tái định cư có một trong các điều kiện:

a) Có lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản;

b) Đang sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ quy định này và điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

6. Hộ sở tại là hộ dân ở xã có tiếp nhận dân tái định cư.

7. Nơi đi là địa phương vùng Dự án thủy điện Sơn La có hộ dân bị ảnh hưởng phải di chuyển đến điểm tái định cư.

8. Nơi đến là địa phương tiếp nhận hộ tái định cư.

9. Hộ tái định cư tập trung là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở một nơi mới tạo thành điểm dân cư mới.

10. Hộ tái định cư xen ghép là hộ tái định cư được quy hoạch đến ở xen ghép với hộ dân sở tại trong một điểm dân cư đã có trước.

11. Hộ tái định cư tự nguyện là hộ tự di chuyển đến nơi ở mới không theo quy hoạch tái định cư.

12. Điểm tái định cư là điểm dân cư được xây dựng theo quy hoạch, bao gồm: đất ở, đất sản xuất, đất chuyên dùng, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng để bố trí dân tái định cư.

13. Khu tái định cư là địa bàn được quy hoạch để bố trí các điểm tái định cư, hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, vùng sản xuất. Trong khu tái định cư có ít nhất một điểm tái định cư.

14. Vùng tái định cư là địa bàn các huyện, thị xã được quy hoạch để tiếp nhận dân tái định cư. Trong vùng tái định cư có ít nhất một khu tái định cư.

15. Tổng mặt bằng công trường là diện tích đất được sử dụng để xây dựng công trình chính, các hạng mục công trình phụ trợ, công trình công cộng, khu nhà ở công nhân, các mỏ vật liệu... phục vụ thi công công trình Dự án thủy điện Sơn La được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Phạm vi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Thiệt hại về đất do bị thu hồi của các hộ phải di dời khỏi vùng Dự án thủy điện Sơn La, mặt bằng xây dựng khu tái định cư và các công trình hạng mục công trình liên quan đến xây dựng khu tái định cư.

2. Thiệt hại về tài sản gắn liền với đất, đất có mặt nước gồm: nhà, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi; các tài sản khác; các công trình văn hóa: đình, chùa, miếu, nhà thờ, nhà thờ họ....

3. Thiệt hại về đất và tài sản trên đất khi xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại khu (điểm) tái định cư theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Những nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khác được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Bảo đảm người dân tái định cư ổn định chỗ ở, ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cuộc sống vật chất và văn hóa tốt hơn nơi ở cũ, ổn định lâu dài, bền vững góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

2. Bảo đảm hài hòa lợi ích người dân tái định cư với người dân sở tại.

3. Bố trí đủ đất sản xuất cho hộ tái định cư, ưu tiên bố trí đủ đất sản xuất lương thực.

4. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

Điều 5. Nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án thủy điện Sơn La được bố trí trong ngân sách nhà nước và vốn của Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam), được xác định theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đầu tư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Nguồn vốn nêu trên được sử dụng để bồi thường thiệt hại đất đai, nhà ở, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác; đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng tại khu, điểm tái định cư; hỗ trợ và tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, mục tiêu, dự án khác trên địa bàn như: đầu tư hệ thống đường giao thông, xây dựng đô thị mới, dự án trồng mới 5 triệu hécta rừng, chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm, kiên cố hóa trường lớp học....

3. Nguồn vốn hợp pháp khác: vốn góp và công sức lao động của người dân tham gia vào đầu tư sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng. Vốn góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho dự án bồi thường di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

Chương II

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ ĐẤT

Điều 6. Nguyên tắc bồi thường

1. Người sử dụng đất khi bị thu hồi để thực hiện Dự án thủy điện Sơn La được bồi thường thiệt hại bằng đất hoặc bằng tiền.

2. Người sử dụng đất mới khai hoang phục hóa chưa đăng ký với nhà nước không được bồi thường thiệt hại về đất, nhưng được hỗ trợ chi phí đầu tư khai hoang phục hóa đất, mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Người sử dụng đất khai hoang bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án thì không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ một phần chi phí khai hoang nếu đất đó đã được cấp có thẩm quyền giao cho hộ hoặc cá nhân sử dụng lâu dài. Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 7. Điều kiện để được bồi thường

Người bị Nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường thiệt hại về đất:

1. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây:
 - a) Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;
 - c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ về thanh lý, hóa giá nhà ở, mua nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của pháp luật.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến thời điểm có quyết định thu hồi đất chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp.

5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn ở miền núi, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

6. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất đó không có tranh chấp.

7. Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hoặc quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.

8. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này nhưng đất đã được sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến thời điểm có quyết định thu hồi đất, mà tại thời điểm sử dụng không vi phạm quy hoạch; không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình, được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã công bố công khai, cắm mốc; không phải là đất lấn chiếm trái phép và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi xác nhận đất đó không có tranh chấp.

9. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế nhà nước chưa quản lý mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng.

10. Cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có các công trình là đình, đền, chùa, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng và không có tranh chấp.

11. Tổ chức sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:

a) Đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;

b) Đất nhận chuyển nhượng của người sử dụng đất hợp pháp mà tiền trả cho việc chuyển nhượng không có nguồn từ ngân sách nhà nước;

c) Đất sử dụng có nguồn gốc hợp pháp từ hộ gia đình, cá nhân.

Điều 8. Trường hợp không được bồi thường

1. Người sử dụng đất không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm; đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền trả cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

3. Đất bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003.

4. Đất nông nghiệp do cộng đồng dân cư sử dụng.

5. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.

6. Người bị Nhà nước thu hồi đất có một trong các điều kiện quy định tại Điều 7 của Quy định này nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

Điều 9. Diện tích, giá đất tính bồi thường

1. Diện tích đất tính bồi thường:

a) Trường hợp người có đất bị thu hồi có giấy tờ hợp pháp xác định được diện tích sử dụng, đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất thì được tính bồi thường theo diện tích đất bị thu hồi;

b) Trường hợp người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ đó không xác định rõ diện tích đất sử dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quy hoạch và hạn mức giao đất của địa phương để quy định diện tích đất làm cơ sở tính bồi thường thiệt hại.

2. Giá đất tính bồi thường là giá đất theo mục đích sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và công bố theo quy định tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá đất các loại đất; không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng; trường hợp tại thời điểm có quyết định thu hồi đất mà giá này chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá đất cụ thể cho phù hợp.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại về đất

1. Hình thức bồi thường:

a) Giao đất tại khu (điểm) tái định cư;

b) Trả bằng tiền cho hộ tái định cư tự nguyện để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nơi đến.

2. Hộ di chuyển đến điểm tái định cư tập trung:

a) Hộ tái định cư chuyển đến điểm tái định cư ở nông thôn: được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản và đất chuyên dụng (nếu có) theo quy hoạch điểm tái định cư được duyệt và theo quỹ đất của điểm tái định cư;

b) Hộ tái định cư chuyển đến điểm tái định cư đô thị: được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở, đất sản xuất và đất chuyên dụng (nếu có) theo quỹ đất của điểm tái định cư;

Trường hợp điểm tái định cư theo quy hoạch được duyệt có xây dựng nhà chung cư thì các hộ tái định cư được bồi thường bằng việc bố trí diện tích nhà ở chung cư tại điểm tái định cư đó.

3. Hộ đến điểm tái định cư xen ghép:

Đối với hộ đến điểm tái định cư xen ghép (áp dụng ở nông thôn) được bồi thường thiệt hại về đất bằng việc giao đất ở, đất sản xuất và đất chuyên dụng khác (nếu có) phù hợp với quỹ đất của điểm tái định cư xen ghép nhưng tối thiểu đảm bảo diện tích đất cho mỗi hộ tái định cư tương đương với mức trung bình của hộ sở tại.

4. Xử lý chênh lệch giá trị đất nơi đi và nơi đến:

a) Giá trị đất ở, đất sản xuất được giao thấp hơn giá trị đất ở, đất sản xuất bị thu hồi thì hộ tái định cư được bồi thường phần giá trị chênh lệch;

b)⁵ *Giá trị đất ở, đất sản xuất được giao cao hơn giá trị đất ở, đất sản xuất bị thu hồi thì hộ tái định cư không phải nộp thêm phần giá trị chênh lệch;*

c)⁶ *Giá trị chênh lệch đất ở, đất sản xuất được tính tại thời điểm chi trả*

5. Hộ tái định cư tự nguyện: hộ tái định cư tự nguyện phải viết đơn tự di chuyển được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã nơi đi, chủ đầu tư, được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; được đồng ý tiếp nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi đến, trong đó bảo đảm bố trí đủ đất ở, đất sản xuất cho hộ tái định cư như đối với hộ tái định cư xen ghép quy định tại khoản 3 Điều này, nếu đủ điều kiện quy định tại Điều 7 của Quy định này thì được bồi thường thiệt hại về đất bằng tiền theo giá đất tính bồi thường thiệt hại của từng loại đất bị thu hồi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại nơi mới.

⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.

⁶ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.

6. Các trường hợp khác:

a) Đối với đất bán ngập: đất bán ngập trong lòng hồ hình thành sau khi tạo thành hồ chứa thuộc quỹ đất chung do xã quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Đối với hộ không phải di chuyển nhưng bị thu hồi đất: việc bồi thường thiệt hại về đất đối với hộ không phải di chuyển nhưng bị thu hồi đất áp dụng theo Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Quy định này. Hộ sử dụng kinh phí được bồi thường để khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích hoặc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ dân khác tại địa phương;

c) Đối với hộ sở tại bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư được bồi thường theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và khoản 1 Điều 10 của Quy định này.

d)⁷ Trường hợp hộ tái định cư có đất sản xuất ở vị trí trên cốt ngập, chuyển đến điểm tái định cư xa nơi sản xuất cũ thì đất sản xuất tại nơi ở cũ bị thu hồi, được bồi thường thiệt hại về đất và giao đất sản xuất tại điểm tái định cư.

Diện tích đất sản xuất bị thu hồi, giao chính quyền địa phương quản lý theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế để quy định cụ thể.

Chương III BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN

Điều 11. Bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc kèm theo nhà ở đối với các hộ tái định cư

1. Hộ tái định cư được bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở bằng tiền hoặc vật tư để xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi ở mới (kể cả các hộ tái định cư có nguyện vọng tháo dỡ nhà ở tại nơi ở cũ đến điểm tái định cư để xây dựng lại).

2. Hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, phải di chuyển chỗ ở cũng được bồi thường như đối với hộ tái định cư.

3. Hộ tái định cư tập trung, xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ làm nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

⁷ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

4. Hộ tái định cư tự nguyện có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 của Quy định này được bồi thường nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc kèm theo nhà ở bằng tiền.

5. Nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở xây dựng trên đất không được bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Quy định này mà trước thời điểm xây dựng đã có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thì không được bồi thường.

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể quy định này.

Điều 12. Bồi thường cho người lao động do ngừng việc

Tổ chức kinh tế, hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có thuê lao động theo hợp đồng lao động, bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì người lao động được áp dụng bồi thường theo chế độ trợ cấp ngừng việc quy định tại khoản 3, Điều 62 của Bộ luật Lao động; đối tượng được bồi thường là người lao động quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Lao động; thời gian tính bồi thường là thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh, nhưng tối đa không quá 6 tháng.

Điều 13. Bồi thường cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, các công trình văn hóa, di tích lịch sử

1. Công trình công cộng được xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước bị thiệt hại nhưng không có nhu cầu xây dựng lại tại nơi tái định cư thì không phải bồi thường.

2. Bồi thường thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng.

a) Đối với các thôn, bản, cụm dân cư đô thị không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị mất toàn bộ hay một số công trình công cộng thì được bồi thường với giá trị tương đương để xây dựng công trình đó;

b) Đối với các thôn, bản, cụm dân cư đô thị không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị thiệt hại một phần hoặc toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng thì được xem xét đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới cơ sở hạ tầng bảo đảm phục vụ sản xuất và đời sống với cộng đồng dân cư còn lại.

3. Bồi thường thiệt hại đối với công trình văn hóa, di tích lịch sử: đối với công trình văn hóa, đình chùa, nhà thờ, nhà thờ dòng họ, di tích lịch sử phải có phương án bảo tồn; trong trường hợp phải bồi thường thiệt hại thì do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định đối với công trình do Trung ương quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với công trình do địa phương quản lý.

Điều 14. Bồi thường cây trồng, vật nuôi

1. Cây hàng năm, vật nuôi trên đất có mặt nước: mức bồi thường thiệt hại đối với cây hàng năm, vật nuôi trên đất có mặt nước được tính bằng giá trị sản lượng

thu hoạch trong 1 năm theo năng suất bình quân của 3 năm trước đó và mức giá trung bình của nông sản, thủy sản cùng loại tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Cây lâu năm:

a) Đối với cây chưa cho thu hoạch: mức bồi thường tính bằng tổng chi phí đầu tư gồm cả công chăm sóc tính đến thời điểm phương án bồi thường, di dân, tái định cư được duyệt;

b) Đối với cây đang cho thu hoạch: mức bồi thường tính bằng giá trị hiện có của cây (không bao gồm giá trị đất) tại thời điểm phương án bồi thường, di dân tái định cư được duyệt theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Rừng trồng:

a) Hộ được giao đất và tự bỏ vốn trồng rừng: mức bồi thường thiệt hại rừng trồng được tính bằng diện tích trồng nhân với (x) đơn giá trồng cộng với (+) chi phí đầu tư chăm sóc, bảo vệ rừng từ khi trồng đến thời điểm phương án bồi thường được duyệt;

b) Hộ trồng, chăm sóc rừng cho doanh nghiệp:

- Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách được bồi thường phần công trồng, chăm sóc chưa được trả;

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng sản xuất: bồi thường cho doanh nghiệp để hoàn trả tổ chức cho vay và công trồng, chăm sóc của các hộ chưa được trả. Mức bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

Sau khi nhận bồi thường, hộ tiếp tục được thu hoạch sản phẩm từ rừng cho đến khi có quyết định thu hồi đất.

Điều 15. Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc cho tổ chức

Bồi thường công trình, vật kiến trúc gắn liền với mặt đất, đất có mặt nước cho tổ chức theo giá trị đầu tư mới của tài sản đó tại thời điểm bồi thường.

Chương IV XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 16. Giao đất khu tái định cư

1. Đất ở:

a) Hộ tái định cư đến điểm tái định cư tập trung nông thôn được giao đất ở tại điểm tái định cư từ 200 m² - 400 m²/hộ. Trường hợp có điều kiện về quỹ đất thì có thể giao mức cao hơn;

Hộ tái định cư đến điểm tái định cư đô thị được giao 01 lô đất ở tại điểm tái định cư; Ủy ban nhân dân tỉnh quy định diện tích. Trường hợp điểm tái định cư đô thị

có quy hoạch xây dựng nhà chung cư thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

b) Việc bố trí đất ở tại khu tái định cư theo nguyên tắc: khoảng cách giữa các nhà ở phù hợp với điều kiện tự nhiên, giữ được cảnh quan và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Đất vườn: ngoài diện tích đất ở, hộ tái định cư có thể được xem xét giao đất vườn tùy theo quỹ đất của từng điểm tái định cư (nên bố trí đất vườn liền kề đất ở).

3. Đất sản xuất:

- Đất sản xuất lương thực và trồng cây công nghiệp được giao cho mỗi hộ từ 1 ha trở lên. Ưu tiên bố trí diện tích đất trồng lúa nước để hộ tái định cư tự túc được lương thực sau khi hết thời gian được hỗ trợ lương thực quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này;

- Đất lâm nghiệp và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản được giao theo quỹ đất từng khu tái định cư tập trung hoặc xen ghép;

- Không giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản cho hộ phi nông nghiệp, nhân khẩu lao động nông nghiệp đã được hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề phi nông nghiệp;

- Mức giao đất cụ thể được xác định trong quy hoạch chi tiết điểm tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 17. Xây dựng khu tái định cư tập trung nông thôn

1. Xây dựng cơ sở hạ tầng:

a) San nền: thực hiện san nền để xây dựng nhà ở theo quy hoạch nhà ở điểm tái định cư;

b) Thủy lợi: căn cứ vào tình hình cụ thể tại khu tái định cư mà quyết định xây mới hoặc nâng cấp các công trình thủy lợi theo quy hoạch nhằm khai thác hiệu quả tối đa đất sản xuất nông nghiệp. Khi thiết kế quy mô công trình phải xem xét đến việc điều tiết nước cho sản xuất của dân sở tại:

- Đối với vùng có khả năng về nguồn nước được nghiên cứu xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống thủy lợi như hồ, đập, kênh, mương, trạm bơm... Hệ thống kênh mương (nếu có) phải xây dựng theo hướng cứng hóa, bảo đảm bền vững, ít chiếm đất và giảm tổn thất nước;

- Đối với vùng không có điều kiện xây dựng hệ thống thủy lợi để khai thác nguồn nước mặt thì cần nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống khai thác nước ngầm và dự trữ nước mưa.

c) Giao thông nội đồng: hệ thống đường giao thông nội đồng được quy hoạch và xây dựng phù hợp với quy hoạch sản xuất chung của vùng;

d) Giao thông khu dân cư: hệ thống đường giao thông khu tái định cư được xây dựng phù hợp với Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư và quy hoạch giao thông chung của địa phương, cụ thể như sau:

- Đường nội bộ trong điểm tái định cư được xây dựng phù hợp với điều kiện địa hình thực tế nhưng không vượt tiêu chuẩn đường loại B giao thông nông thôn⁸;

- Đường nối các điểm tái định cư, khu tái định cư với đường vào trung tâm xã, được xây dựng theo tiêu chuẩn loại A giao thông nông thôn có mặt đá gia cố chất kết dính láng nhựa;

- Đường liên xã được ghi danh mục đầu tư trong Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, được xây dựng theo tiêu chuẩn TCVN-4054 với cấp kỹ thuật 20;

- Đối với những vùng ven hồ có đường giao thông chính là đường thủy thì được xem xét xây dựng bên đò.

đ) Nước sinh hoạt được cấp theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế cấp nước TCXD 33-1985 và các chỉ tiêu chất lượng đối với nước sinh hoạt.

Nếu là hệ thống nước tự chảy, tùy theo lượng nước nguồn và địa hình có thể chọn phương án cấp nước bằng đường ống tới từng hộ hoặc tới các điểm cấp nước công cộng cho 5 - 10 hộ;

Nếu khu tái định cư không có điểm cấp nước chung bằng đường ống thì cứ 4 - 5 hộ được đầu tư một giếng khoan kèm theo một máy bơm tay cùng hệ thống bể lắng, bể lọc. Nếu việc sử dụng giếng đào đạt tiêu chuẩn về chất lượng nước thì đầu tư mỗi hộ một giếng đào;

Mỗi hộ được xây dựng một bể trữ nước ăn có dung tích từ 2 m³ - 5 m³ (tùy theo nhân khẩu trong hộ và yêu cầu dự trữ nước ăn), sân bể, rãnh thoát nước kèm theo bể.

e) Điện sinh hoạt và sản xuất:

- Điện sinh hoạt: đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp, điện sinh hoạt cấp đến đầu nhà từng hộ tái định cư;

Đối với công trình công cộng: phụ tải đầu vào được tính toán trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện cụ thể của công trình.;

Đối với những điểm chưa có điện lưới quốc gia thì sẽ được đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho từng hộ dân tái định cư theo tiêu chuẩn như trên;

- Điện sản xuất: được tính toán trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện cho từng hộ tái định cư.

⁸ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.

g) Thoát nước và môi trường:

- Hệ thống thoát nước điểm tái định cư được tính chung cho việc thoát nước mưa và nước sinh hoạt bằng hệ thống rãnh hở, bố trí dọc đường giao thông. Riêng rãnh thoát nước trong phạm vi khu dân cư là rãnh xây hoặc đổ bê tông, hở⁹.

- Công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi phải cách ly khu nhà ở, nguồn nước theo quy định.

h) Khu nghĩa địa, nghĩa trang: tại khu tái định cư được xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa địa, nghĩa trang hiện có phù hợp với quy hoạch của địa phương.

i)¹⁰ Hộ sở tại bị thu hồi đất và bị ảnh hưởng nguồn nước sinh hoạt để xây dựng điểm tái định cư tập trung nông thôn được hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt như đối với hộ tái định cư;

k)¹¹ Hộ sở tại bị thu hồi đất và bị ảnh hưởng nguồn điện sinh hoạt để xây dựng điểm tái định cư tập trung nông thôn được hỗ trợ đầu tư điện sinh hoạt như đối với hộ tái định cư.

2. Xây dựng công trình công cộng:

a) Quy mô công trình: được tính toán theo quy mô dân cư tại khu tái định cư có tính đến dân số tại. Trường hợp điểm tái định cư có số hộ nhỏ hơn 30 hộ và cách điểm dân số tại dưới 1 km thì được xem xét đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp các công trình đã có nhằm đáp ứng nhu cầu chung cho cả dân tái định cư và dân số tại;

b) Kết cấu công trình:

- Nhà thuộc công trình công cộng của khu tái định cư được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp III với kết cấu từ 1 tầng đến 2 tầng, tường gạch, mái ngói hoặc mái bằng, nền bê tông gạch vỡ, mặt nền láng vữa xi măng hoặc lát gạch men, cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ kính, nhôm kính;

⁹ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2011

¹⁰ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

¹¹ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2008.

- Xây dựng nhà công cộng phải xây kèm theo các công trình phụ phù hợp với quy mô công trình chính, gồm: nhà công vụ cho giáo viên (nếu có nhu cầu), nhà bán trú cho học sinh đối với trung học cơ sở và trung học phổ thông, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, cổng, hàng rào, cột cờ.

c) Thiết bị: thiết bị bên trong công trình được lắp đặt theo thiết kế cụ thể của từng loại công trình và sử dụng thiết bị sản xuất tại Việt Nam;

d) Xây dựng công trình:

- Nhà trẻ, mẫu giáo: nhà trẻ, mẫu giáo được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế "Nhà trẻ, trường mẫu giáo" TCVN 3907-1984. Các lớp nhà trẻ, mẫu giáo được tính cho việc gửi trẻ cả ngày. Nếu số cháu trong độ tuổi tại điểm tái định cư nhỏ hơn quy mô một lớp thì tại điểm dân cư đó cũng được xây dựng một lớp nhà trẻ kết hợp mẫu giáo theo tiêu chuẩn nêu trên;

- Lớp học bậc tiểu học: số lượng các lớp tiểu học được tính cho việc bố trí học sinh học cả ngày. Đối với những điểm dân cư nhỏ có từ 15 hộ trở lên nằm biệt lập, số học sinh không đủ cho việc hình thành 1 lớp thì cũng được xây dựng 1 lớp học theo quy mô xây dựng như đối với lớp học bậc phổ thông trung học cơ sở.

Nếu tại nơi đến đã có trường học đủ điều kiện học tập bố trí cho học sinh của điểm tái định cư thì không xây dựng lớp học riêng cho điểm tái định cư; có thể xem xét hỗ trợ một phần kinh phí cho việc mở rộng hoặc nâng cấp trường học đó nếu thấy cần thiết. Kinh phí hỗ trợ cho việc mở rộng hay nâng cấp trường học không được vượt kinh phí xây dựng mới lớp học ở điểm tái định cư.

- Lớp học bậc trung học cơ sở: số lượng lớp học được tính cho học sinh học cả ngày. Đối với khu tái định cư có số học sinh lớn hơn 5 lớp thì được đầu tư xây dựng trường học mới tại nơi tái định cư theo tiêu chuẩn thiết kế "Trường trung học phổ thông" TCVN 3978-1984.

Đối với những điểm tái định cư có số học sinh nhỏ hơn 5 lớp thì bố trí học tại trường tập trung của xã hoặc thôn, bản sở tại. Các trường đó sẽ được hỗ trợ kinh phí mở rộng hoặc nâng cấp nếu thấy cần thiết. Kinh phí mở rộng không được vượt kinh phí xây dựng mới trường học ở điểm tái định cư tính theo quy mô học sinh của điểm tái định cư. Quy mô xây dựng như sau:

Quy mô 1 lớp: 1 phòng học, 1 phòng phụ

Quy mô 2 lớp: 2 phòng học, 1 phòng phụ

Quy mô 3 lớp: 3 phòng học, 2 phòng phụ

Quy mô 4 lớp: 4 phòng học, 2 phòng phụ

Diện tích phòng học từ 55 m² - 60 m² sử dụng, diện tích phòng phụ từ 20 m² - 25 m² sử dụng.

- Lớp học bậc trung học phổ thông: nếu có đủ số lượng học sinh theo quy định thì được xây dựng lớp học như đối với trung học cơ sở;

- Trạm xá khu tái định cư: đối với khu tái định cư có chức năng là trung tâm xã và ở đó chưa có trạm y tế đạt tiêu chuẩn thì được đầu tư xây dựng trạm xá với quy mô theo tiêu chuẩn thiết kế "Quy hoạch xây dựng điểm dân cư ở xã, hợp tác xã" TCVN 4454-1987. Thiết bị y tế chuyên dùng trang bị cho trạm xá được đầu tư theo tiêu chuẩn ngành y tế Việt Nam.

Đối với khu tái định cư độc lập không phải là trung tâm xã thì được đầu tư một tủ thuốc theo quy mô dân cư và được đào tạo một y tế viên. Mức chi phí tủ thuốc thông thường tính bằng 200.000 đồng/hộ chia làm 2 năm.

- Nhà văn hóa: điểm tái định cư có số hộ tái định cư lớn hơn 30 hộ, được đầu tư xây dựng 01 nhà văn hóa thôn, bản theo quy mô:

Từ 30 - 50 hộ: 60 m² sử dụng; từ trên 50 hộ: 100 m² sử dụng.

Trang thiết bị cho nhà văn hóa gồm điện chiếu sáng, quạt trần (1 - 2 cái), bàn ghế, 01 ti vi, 01 bộ tăng âm, loa phù hợp với quy mô và điều kiện thực tế của địa phương.

- Sân thể thao: đối với các khu tái định cư độc lập không phải là trung tâm xã có từ 50 hộ trở lên, nếu có quỹ đất thì bố trí làm sân thể thao. Sân thể thao có thể bố trí trong khuôn viên nhà văn hóa hoặc ngoài khuôn viên nhà văn hóa. Chi phí đầu tư sân thể thao là chi phí san nền.

- Nơi họp chợ: khu tái định cư có số hộ từ 100 hộ trở lên và cách điểm dân cư khác trong vòng 3 km - 5 km không có chợ thì được bố trí đất để làm nơi họp chợ. Chi phí đầu tư nơi họp chợ là chi phí san nền.

Điều 18. Xây dựng khu tái định cư đô thị

1. Việc xây dựng nhà ở hộ tái định cư, cơ sở hạ tầng, công trình công cộng khu tái định cư tập trung tại đô thị, trụ sở làm việc của các tổ chức (bao gồm cả trụ sở và doanh trại của đơn vị lực lượng vũ trang) thực hiện theo quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc xây dựng các công trình quy định tại khoản 1 Điều này phải lập dự án đầu tư riêng theo tiêu chuẩn, định mức, quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước và quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định.

3. Quản lý, sử dụng nguồn vốn tái định cư xây dựng đô thị.

a) Nguồn vốn tái định cư bao gồm:

- Tiền bồi thường thiệt hại trụ sở làm việc, công trình phụ gắn liền với trụ sở của các tổ chức theo giá trị đầu tư tài sản mới tại thời điểm bồi thường;

- Tiền bồi thường thiệt hại cơ sở hạ tầng theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật tại nơi cũ theo giá tại thời điểm bồi thường;

- Tiền bồi thường công trình công cộng theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

- Tiền san ủi mặt bằng xây dựng điểm tái định cư đô thị;
- Tiền bồi thường, hỗ trợ làm nhà ở của các hộ tái định cư (quy định tại Điều 11 và Điều 23 của Quy định này).

b) Chủ đầu tư được phép ứng trước nguồn vốn tái định cư theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này (trừ tiền bồi thường, hỗ trợ làm nhà ở của các hộ tái định cư) để xây dựng các công trình thiết yếu liên quan đến việc tiếp nhận các hộ dân đến khu tái định cư đô thị và phù hợp với tiến độ tái định cư;

c) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn xây dựng khu tái định cư đô thị: Ủy ban nhân dân tỉnh phải ưu tiên sử dụng nguồn vốn theo quy định của Luật Ngân sách và nguồn vốn quy định tại Điều 5 của Quy định này để đầu tư xây dựng đồng bộ, dứt điểm các công trình tại khu, điểm tái định cư đô thị.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 19. Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng điểm tái định cư xen ghép

Các xã tự nguyện tiếp nhận dân tái định cư đến ở xen ghép vào cộng đồng dân cư của mình được hỗ trợ kinh phí để cải tạo, mở rộng, nâng cấp công trình công cộng, cơ sở hạ tầng của xã do ảnh hưởng của việc tăng dân cư trên địa bàn. Mức kinh phí hỗ trợ là 25 triệu đồng/người tái định cư hợp pháp. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

Điều 20. Xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại điểm tái định cư (viết tắt là xây dựng nhà ở).

1. Việc xây dựng nhà ở tại điểm tái định cư phải theo quy hoạch chi tiết tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hộ sử dụng tiền bồi thường nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi cũ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này và tiền Hỗ trợ quy định tại Điều 23 của Quy định này để xây dựng nhà ở.

3. Hộ tự quyết định hình thức xây dựng nhà ở.

4. Phần giá trị xây dựng nhà ở do hộ tự xây dựng không phải nộp các khoản thuế xây dựng.

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể quy định này.

Điều 21. Quản lý và bàn giao khu tái định cư

Toàn bộ các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng sau khi xây dựng tại khu tái định cư được bàn giao cho các tổ chức và địa phương tự quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 22. Quy định khác

Hộ tái định cư được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 23. Hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại điểm tái định cư

1. Hộ tái định cư tập trung, hộ tái định cư xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất ở để xây dựng khu tái định cư, ngoài số tiền nhận bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi cũ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này, hộ còn được hỗ trợ tiền để làm nhà ở như sau:

- a) Hộ có 1 người được hỗ trợ tương đương 15 m² sàn;
- b) Hộ có nhiều người thì từ người thứ 2 trở lên, mỗi người tăng thêm được hỗ trợ tương đương 5 m² sàn.

2. Kết cấu nhà để tính mức hỗ trợ: tường bao che bằng gạch 110 mm, mái ngói hoặc tấm lợp, nền lát gạch hoa, cửa bằng gỗ hoặc kết hợp gỗ - kính hoặc nhôm kính, hiên tây bằng bê-tông cốt thép. Các kết cấu trong nhà sử dụng gỗ nhóm 4 hoặc vật liệu thay thế tương đương.

3. Đơn giá để tính hỗ trợ theo đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm xây dựng.

Điều 24. Hỗ trợ di chuyển

1. Hộ tái định cư được hỗ trợ chi phí di chuyển người, tài sản, các cấu kiện, hạng mục có thể tháo dỡ lắp đặt lại, vật liệu còn sử dụng được của nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở và công trình công cộng.

a) Hình thức hỗ trợ:

- Thuê phương tiện vận chuyển;
- Khoán tiền để các hộ dân tự thuê phương tiện vận chuyển hoặc tự vận chuyển.

b) Hỗ trợ làm đường công vụ di chuyển dân:

- Đối với những nơi thuộc vùng ngập lòng hồ không thể di chuyển bằng thủ công hoặc bằng các phương tiện vận chuyển: được san gạt, đào đắp tạo nền đường một số đoạn đường phục vụ di chuyển dân từ điểm tập kết di dân đến điểm đã có đường giao thông. Việc đầu tư đường công vụ thực hiện theo quy định hiện hành;

- Trường hợp các hộ tái định cư tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển tài sản, con người nếu bảo đảm an toàn thì được hỗ trợ tiền để tự vận chuyển và không làm đường công vụ di chuyển dân.

c) Hỗ trợ hộ tái định cư gặp rủi ro khi di chuyển:

- Nếu bị thương nặng phải điều trị ở các cơ sở y tế tuyến huyện, tỉnh: được hỗ trợ một lần từ 500.000 đồng - 1.000.000 đồng/người;

- Nếu không may bị chết được hỗ trợ một lần từ 1 triệu đồng/người đến 2 triệu đồng/người.

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các hộ cam kết bảo đảm an toàn khi tự vận chuyển người, tài sản và quy định cụ thể các trường hợp và mức hỗ trợ.

Chủ phương tiện tham gia vận chuyển người và tài sản của hộ tái định cư phải mua bảo hiểm theo quy định hiện hành.

2. Đối với hộ tái định cư tự nguyện: mức hỗ trợ bao gồm kinh phí đi lấy xác nhận tại nơi chuyển đến và kinh phí di chuyển:

a) Kinh phí đi lấy xác nhận tại nơi chuyển đến bao gồm tiền tàu xe đi lại (một lượt đi, một lượt về), tiền ăn và ngủ nhà trọ;

b) Mức hỗ trợ cho hộ tái định cư tự nguyện:

- Di chuyển trong nội tỉnh: hỗ trợ bằng chi phí thuê xe tải loại trọng tải 5 tấn từ nơi đi đến nơi ở mới; với hộ có 1 người tính cho 1 chuyến xe, hộ từ 2 người trở lên tính cho 2 chuyến xe;

- Di chuyển ngoài tỉnh: mức hỗ trợ di chuyển xác định theo cự ly di chuyển, mức hỗ trợ tối đa: di chuyển đến các tỉnh thuộc miền Bắc là 4 triệu đồng/hộ, di chuyển đến các tỉnh thuộc miền Trung là 5 triệu đồng/hộ, di chuyển đến các tỉnh thuộc miền Nam là 6 triệu đồng/hộ.

Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Hỗ trợ di chuyển đối với tổ chức: hỗ trợ theo dự toán di chuyển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mả: hỗ trợ di chuyển mồ mả cho các đối tượng nằm trong vùng phải di chuyển, gồm các chi phí: đào, bốc, di chuyển đến nơi mới, chi phí về đất đai, xây dựng lại và các chi phí khác theo phong tục tập quán của từng dân tộc tại thời điểm di chuyển. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 25. Hỗ trợ đời sống

1¹². Hỗ trợ lương thực:

a) Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư đã xác định tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thủy điện Sơn La được hỗ trợ lương thực bằng tiền có giá trị tương đương 20 kg gạo/người/tháng trong 03 năm.

¹² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2011.

b) Hộ không phải di chuyển nhưng bị thu đất sản xuất nếu được giao đất mới thì tùy theo diện tích đất bị thu hồi, mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ được hỗ trợ lương thực bằng tiền. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào diện tích đất bị thu hồi để quy định cụ thể về mức và thời gian hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 kg gạo/người/tháng với thời gian không quá 03 năm (đối với hộ bị thu hồi 100% đất sản xuất).

Giá gạo tính theo giá gạo tế trung bình tại địa phương ở thời điểm hỗ trợ

2¹³. Hỗ trợ y tế: hộ tái định cư được hỗ trợ về y tế để phòng, chống dịch bệnh tại nơi ở mới với mức hỗ trợ là 150.000 đồng/hộ (cấp một lần).

3. Hỗ trợ giáo dục: học sinh phổ thông các cấp thuộc hộ tái định cư được cấp 01 bộ sách giáo khoa theo giá quy định của nhà nước.

4¹⁴. Hỗ trợ tiền sử dụng điện thắp sáng: hộ tái định cư được hỗ trợ tiền sử dụng điện hoặc dầu thắp sáng (với nơi chưa có điện) trong 01 năm đầu, kể từ ngày chuyển đến nơi ở mới. Mức hỗ trợ bằng tiền tương đương 02 lít dầu hỏa/người/tháng. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dầu hỏa tại thời điểm hỗ trợ.

5¹⁵. Hỗ trợ chất đốt: đối với khu tái định cư có khó khăn về chất đốt, được hỗ trợ về chất đốt trong 01 năm đầu. Mức hỗ trợ bằng tiền tương đương 04 lít dầu hỏa/người/tháng. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dầu hỏa tại thời điểm hỗ trợ.

6. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động hưởng lương hưu hàng tháng hiện đang sinh sống cùng gia đình tại nơi phải di chuyển được hỗ trợ một lần 500.000 đồng/người sau khi đã đến nơi ở mới. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

Điều 26. Hỗ trợ sản xuất

1. Đối với hộ tái định cư:

a) Điều kiện:

- Tái định cư theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2009.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2009.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2009.

- Được giao đất sản xuất;
- Có phương án sản xuất có hiệu quả kinh tế đảm bảo ổn định cuộc sống tại nơi tái định cư, phù hợp với quy hoạch sản xuất của địa phương, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện chấp thuận;

- Có cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích.

b)¹⁶ *Mức hỗ trợ: hộ tái định cư được hỗ trợ tiền mua giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để trồng cây hàng năm, cây lâu năm và chăn nuôi. Mức hỗ trợ như sau:*

- Hộ có 1 người được hỗ trợ 7 triệu đồng;

- Hộ có nhiều người thì từ người thứ 2 trở lên, mỗi người tăng thêm được hỗ trợ 3 triệu đồng.

c) Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ theo tiến độ thực hiện phương án sản xuất được chấp thuận;

d) Hỗ trợ kinh phí khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư với nội dung tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; mức hỗ trợ theo dự toán được duyệt thực hiện theo phương thức chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho đơn vị thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

đ) Trường hợp phải khai hoang để đảm bảo đủ đất sản xuất (theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt) cho hộ tái định cư thì được hỗ trợ không quá 7,5 triệu đồng/ha thực tế khai hoang. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

2. Hộ không phải di chuyển nhưng bị thu hồi đất sản xuất, hộ sở tại bị thu hồi đất sản xuất được hỗ trợ theo diện tích đất sản xuất bị thu hồi. Mức hỗ trợ 1.000 đồng/m² đất thu hồi.

3. Các tổ chức kinh tế trong vùng tái định cư được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 27. Hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, mua sắm công cụ lao động

1. Lao động nông nghiệp sau khi tái định cư chuyển sang nghề phi nông nghiệp được hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề với điều kiện: là nhân khẩu tái định cư hợp pháp; có đơn đề nghị (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Quản lý dự án).

¹⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2007

2. Lao động nông nghiệp sau khi tái định cư chuyển sang nghề phi nông nghiệp được hỗ trợ chi phí mua sắm công cụ lao động làm nghề mới tối đa không quá 5 triệu đồng/lao động (hỗ trợ một lần).

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức hỗ trợ của Điều này.

Điều 28. Hỗ trợ gia đình chính sách

Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 07/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 3 năm 2000 phải di chuyển được hỗ trợ một lần là 1 triệu đồng/người hưởng trợ cấp.

Điều 29. Hỗ trợ hộ tái định cư tự nguyện

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào các Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28 và Điều 31 Chương V của Quy định này để quy định cụ thể mức hỗ trợ cho hộ tái định cư tự nguyện.

Điều 30. Hỗ trợ thôn, bản bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án thủy điện Sơn La

1. Đối với thôn, bản không phải di chuyển hoặc phải di chuyển một phần, bị thiệt hại một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình công cộng thì được xem xét hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới, đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức độ đầu tư hợp lý trong phạm vi tổng mức vốn đầu tư giao cho địa phương và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Hỗ trợ đầu tư khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích đất sản xuất để tăng thêm quỹ đất bồi thường cho các hộ bị mất đất sản xuất. Mức hỗ trợ đầu tư khai hoang không quá 7,5 triệu đồng/ha thực tế khai hoang. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các trường hợp cụ thể phải khai hoang, phục hóa và quy định mức hỗ trợ phục hóa

Điều 31. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ chi phí đào tạo cán bộ cơ sở cho cộng đồng dân cư ở điểm tái định cư không quá 3 triệu đồng/người (hỗ trợ một lần) theo phương thức chủ đầu tư thanh toán cho tổ chức nhà nước thực hiện đào tạo.

2. Hỗ trợ chi phí hồ sơ điều chỉnh quản lý đất đai:

a) Đối với hộ dân tái định cư: mức hỗ trợ không quá 500.000 đồng/hộ;

b) Đối với hộ dân sở tại nhường đất, hộ không phải di dời nhưng bị mất đất sản xuất: mức hỗ trợ không quá 300.000 đồng/hộ;

Thực hiện theo phương thức chủ đầu tư thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai.

3. Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới: mức hỗ trợ là 300.000 đồng/hộ (hỗ trợ một lần).

4. Các hộ gia đình có thuyền đánh bắt cá, chở đò trên sông, hồ tại nơi ở cũ, khi đến điểm tái định cư không có sông, hồ, không đánh bắt cá, không sử dụng thuyền được hỗ trợ 30% giá trị mới của thuyền.

5. Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ: các hộ di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của Hội đồng Bồi thường được thưởng tiền tối đa không quá 5 triệu đồng/hộ (thưởng 01 lần). Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

6. Hỗ trợ 6 tháng lương hoặc phụ cấp lương đối với cán bộ giữ chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể đang hưởng lương hoặc phụ cấp lương do Nhà nước chi trả ở nơi đi, khi chuyển đến điểm tái định cư không còn giữ chức vụ đó nữa. Mức hỗ trợ tương đương với mức lương hoặc phụ cấp mà cán bộ đó đang hưởng hàng tháng ở nơi đi.

7. Hỗ trợ kinh phí điều chỉnh địa giới hành chính các xã phải điều chỉnh địa giới hành chính do phải thực hiện tái định cư Dự án thủy điện Sơn La. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Tổ chức bồi thường thiệt hại

1. Huyện có dân phải di chuyển thành lập Hội đồng Bồi thường di dân do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Chủ tịch Hội đồng.

Thành phần Hội đồng, nhiệm vụ của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

2. Huyện có dân đến tái định cư: tùy theo quy mô tiếp nhận dân tái định cư (kể cả tái định cư xen ghép), Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập Ban Quản lý dự án tái định cư huyện thuộc Ban Quản lý dự án bồi thường di dân, tái định cư tỉnh hoặc trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện để thực hiện quản lý trực tiếp dự án tái định cư tại địa phương. Căn cứ tình hình cụ thể của huyện, Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Tái định cư cấp xã.

3. Trình tự thực hiện bồi thường, trách nhiệm của các ngành, các cấp của tỉnh trong việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường di dân tái định cư thực hiện theo quy định hiện hành.

Căn cứ tình hình cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư theo đúng Quy định này. Căn cứ vào nội dung của Quy định này và điều kiện của địa phương để quy định cụ thể các nội dung thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm về

quyết định của mình. Việc xây dựng khu tái định cư phải thực hiện theo quy hoạch và dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng kế hoạch bồi thường, di dân tái định cư hàng năm của từng tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đã được giao.

3. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này nhằm thực hiện đúng tiến độ Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 34. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thẩm định Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thuộc Dự án thủy điện Sơn La trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định hiện hành;

- Chủ trì tổng hợp và cân đối kế hoạch vốn đầu tư về bồi thường, di dân, tái định cư theo tiến độ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan căn cứ vào đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu để cân đối và bố trí đủ nguồn vốn đầu tư xây dựng các đô thị, các công trình trong vùng Dự án thủy điện Sơn La không được đầu tư bằng vốn tái định cư Dự án thủy điện Sơn La nhưng trực tiếp phục vụ di dân, tái định cư tại các tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Việc bố trí vốn đầu tư xây dựng nêu trên phải phù hợp với tiến độ di dân, tái định cư hàng năm của từng tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế tại vùng tái định cư Dự án thủy điện Sơn La, chính sách khuyến khích đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất tại vùng tái định cư;

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác giám sát và đánh giá đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

2. Bộ Tài chính:

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối, bảo đảm vốn và hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc cấp vốn đầu tư trong quá trình thực hiện dự án;

- Chủ trì việc quản lý, cấp vốn và thanh toán vốn bồi thường, di dân tái định cư. Thống nhất quản lý nguồn vốn ngân sách, vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu trong việc ban hành chính sách cụ thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các tỉnh; tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

3. Bộ Xây dựng: hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn, khu đô thị; quy hoạch xây dựng nhà ở và xây dựng nông thôn mới; về tiêu chuẩn, định mức, dự toán xây dựng các công trình trong khu tái định cư.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo quy hoạch và kế hoạch bồi thường, di dân tái định cư;
- Chỉ đạo quy hoạch, hướng dẫn các tỉnh trong việc bố trí sản xuất nông lâm nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm vùng tái định cư;
- Xây dựng cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, định mức để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đối với vùng tái định cư;
- Kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thực hiện bồi thường, di dân tái định cư thuộc Dự án thủy điện Sơn La.

5. Bộ Công nghiệp:

- Xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp gắn với sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở vùng tái định cư;
- Tham gia chỉ đạo xây dựng tổng tiến độ di dân, tái định cư phù hợp với tổng tiến độ xây dựng của Dự án thủy điện Sơn La.

6. Ủy ban Dân tộc: chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc tại vùng tái định cư, tuyên truyền vận động đồng bào thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước; tham gia ý kiến về các quy hoạch tái định cư phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách về quy hoạch và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài nguyên nước; tham gia ý kiến về quy hoạch tái định cư phù hợp với chính sách của Nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường.

8. Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu trong việc xây dựng dự án quy hoạch tổng thể và kế hoạch bồi thường, di dân tái định cư;
- Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời cho công tác bồi thường, di dân tái định cư;
- Thông báo cho Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu về tiến độ xây dựng Dự án thủy điện Sơn La.

Điều 35. Trách nhiệm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường, di dân tái định cư Dự án thủy điện Sơn La có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này; tham gia giám sát việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu đề xuất, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./.